

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 23/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Phúc.

Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 05/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST – HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị L, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Trần Văn C, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà L có mặt tại phiên tòa. Ông C vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày: Bà L và ông C chung sống với nhau vào tháng 11/1987 không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng ý kiến, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Văn C.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông C có 04 con chung là Trần Thị Tuyết M (sinh năm 1988), Trần Thị Thanh T (sinh năm 1990), Trần Văn M (sinh năm 1992), Trần Thị Thúy H (sinh năm 1998). Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt. Theo đơn xin vắng và trong quá trình giải quyết vụ án ông C có ý kiến như sau: Ông C và bà L chung sống với nhau vào năm 1987 không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu cũng rất hạnh phúc tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng ý kiến, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà L và ông C có 04 con chung là Trần Thị Tuyết M (sinh năm 1988), Trần Thị Thanh T (sinh năm 1990), Trần Văn M (sinh năm 1992), Trần Thị Thúy H (sinh năm 1998). Hiện nay các con đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc bà L khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn ông C hiện nay đang cư trú tại huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Ông C đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông C là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Về con chung, các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L và ông C đã ly thân vào năm 2017, tại phiên tòa bà L vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án và theo đơn xin vắng mặt, ông C cũng đồng ý ly hôn với bà L. Từ

đó, **nhận thấy** mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông C, bà L trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn; đồng thời theo Công văn số 261/UBND ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp thì bà L và ông C không có đăng ký kết hôn. Do đó, không công nhận bà L và ông C là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về con chung: Hiện nay các con của bà L và ông C đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L và ông C đều trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà L và ông C đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị L và ông Trần Văn C là vợ chồng.

2/ Về con chung: Hiện nay các con của bà L và ông C đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Bà L và ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà L và ông C đều trình bày không.

5/ Về án phí:

Bà Lê Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số BI/2020/0002655, quyển số 0054 ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Bà Lê Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang